

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2019/HSST.

Ngày 08 tháng 01 năm 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mạnh Trường

Ông Nguyễn Văn Chuyết

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Quốc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 65/2018/HSST ngày 03 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST-HS ngày 26/12/2018 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn P, sinh năm 1954 tại Nam Định; Hộ khẩu thường trú: Xóm 8, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Xóm 8, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/9; Con ông: Vũ Đình T (đã chết); Con bà: Lâm Thị C (đã chết); Gia đình có 10 anh chị em, bị cáo là thứ tư; Vợ: Đỗ Thị T, Sinh năm 1954; Có 05 con, con lớn sinh năm 1974, con nhỏ sinh năm 1983; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 04/9/1977 bị TAND huyện Hải Hậu xử phạt 16 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

2. Đặng Văn B, sinh năm 1989 tại Nam Định; Hộ khẩu thường trú: Xóm 8, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Xóm 8, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Làm ruộng, Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông: Đặng Thái S, sinh năm 1955; Con bà: Bùi Thị L, sinh năm 1958; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là thứ ba; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1994; Có 01 con, sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ

ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

3. Đặng Văn H, sinh năm 1987 tại Nam Định; Hộ khẩu thường trú: Xóm 9, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Xóm 9, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Đặng Văn H1, sinh năm 1956; Con bà: Trần Thị H, sinh năm 1956; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là thứ tư; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

4. Vũ Văn S, sinh năm 1971 tại Nam Định; Hộ khẩu thường trú: Xóm 8, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Xóm 8, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 2/12; Con ông: Vũ Đình T (đã chết); Con bà: Lâm Thị C (đã chết); Gia đình có 10 anh chị em, bị cáo là thứ mười; Vợ: Đặng Thị L, sinh năm 1975. Có 03 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 13/9/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

5. Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 tại Nam Định; Hộ khẩu thường trú: Xóm 9, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Xóm 9, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 4/12; Con ông: Nguyễn Văn H (đã chết); Con bà: Ngô Thị T, sinh năm 1950; Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là thứ hai; Chồng: Mai Văn H (đã chết); Có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

6. Đỗ Văn T, sinh năm 1973 tại Nam Định. Nơi cư trú: Xóm 13, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông: Đỗ Trọng B, sinh năm 1946. Con bà: Trần Thị N, sinh năm 1945; Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là thứ ba; Vợ: Hoàng Thị L, sinh năm 1978; Có 04 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

7. Trần Văn D, Sinh năm 1982 tại Nam Định; Hộ khẩu thường trú: Xóm 23, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Xóm 23, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 26-QĐ/UBKTHU ngày 18-12-2018 của Ủy ban

kiểm tra huyện ủy, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định; Con ông: Trần Mạnh H, sinh năm 1952; Con bà: Tô Thị T, sinh năm 1958; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là thứ hai; Vợ: Lâm Thị P, sinh năm 1990; Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

8. Phạm Văn N, sinh năm 1977 tại Nam Định; Hộ khẩu thường trú: Thôn 14, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn 14, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Phạm Văn R, sinh năm 1932; Con bà: Nguyễn Thị R, sinh năm 1932; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là thứ tư; Vợ: Trần Thị Đ, sinh năm 1979; Có 03 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

9. Vũ Văn Th, sinh năm 1974 tại Nam Định; Hộ khẩu thường trú: Xóm 15, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Xóm 15, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo. Nghề nghiệp: Làm ruộng, Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Vũ Trọng T, sinh năm 1932; Con bà: Trần Thị N, sinh năm 1937; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị Anh K, sinh năm 1974; Có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Những người làm chứng:

- Anh Vũ Văn A, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Xóm 8, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Anh Vũ Công V, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Xóm 8, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Anh Lâm Văn T, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Xóm 9, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1955; Nơi cư trú: Xóm 8, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt các bị cáo, người làm chứng Vũ Công V và Đỗ Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 10/9/2018 Đặng Văn B và Đặng Văn H đến nhà Vũ Văn P ở xóm 8, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định chơi bi a (nhà P kinh doanh bàn chơi bi

a và bán hàng tạp hóa). Sau đó có Nguyễn Thị H (là bạn của con gái P) đến hỏi thăm sức khỏe của P do P mới đi mổ mũi ở bệnh viện về và em trai P là Vũ Văn S cũng đến ngồi uống nước nói chuyện với P ở hiên nhà P. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, P đi đến chỗ B và H đang chơi bi a và nói với H, B “Có bốn chân rồi có chơi liêng thì vào mà chơi”, nghe P nói vậy H nói “Chúng cháu đang chơi bi a”. Khoảng 15 phút sau, P lại nói với B và H “Vào mà chơi đi” thì B, H đồng ý và cùng S, H vào ngồi trên giường kê trong gian nhà bếp nhà P. P lấy 01 bộ tứ lơ khơ 52 quân trong quầy bán hàng nhà mình đem vào bếp đặt lên giường để B, S, H, H đánh bạc. Bốn người thống nhất chơi đánh liêng ăn tiền, quy định vào “hố” giữa chiếu là 10.000 đồng, “tổ” cao nhất là 50.000 đồng. Hình thức đánh liêng là sử dụng bộ bài tứ lơ khơ 52 quân, người cầm cái chia đều cho những người tham gia chơi mỗi người 03 quân bài giấu kín, quy định sấp (3 quân bài giống nhau) 3 quân át (A) là lớn nhất, nhỏ nhất là 3 quân 2; tiếp đến là liêng Q, K, A là lớn nhất, nhỏ nhất là 1 (A), 2, 3; tiếp đến là “đĩ” có 3 quân bài từ J đến K; cuối cùng là tính điểm các quân bài từ 1 (A) đến 9, lớn nhất là 9 điểm, nhỏ nhất là 0 điểm. Khi đánh bạc H có 2.900.000 đồng; H có 1.030.000 đồng; B có 2.100.000 đồng; S có 1.670.000 đồng, cả bốn người đều lấy tiền trong người ra để xuống chiếu trước mặt để chơi. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày khi B, S, H, H đang đánh bạc thì có Trần Văn D và Đỗ Văn T đến cùng tham gia đánh bạc, D có 5.600.000 đồng; T có 380.000 đồng. Khoảng 14 giờ 10 phút cùng ngày B thắng được khoảng 700.000 đồng đứng dậy đi về. Sau đó có Lâm Văn T, Vũ Văn A, Vũ Công V và Phạm Văn N đều ở xã T đến xem cả bọn đánh bạc. Phạm Văn N đứng xem một lúc thì vào tham gia chơi đánh bạc cùng với H, S, H, D, T. Khi tham gia đánh bạc N có 550.000 đồng. Khoảng 15 giờ cùng ngày B quay lại tiếp tục tham gia đánh bạc. Một lúc sau Vũ Văn Th đến cùng tham gia chơi đánh bạc, Th có 3.400.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ 10 phút cùng ngày bị Công an huyện Trục Ninh phát hiện bắt quả tang. Thu trên chiếu số tiền 610.000 đồng; 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân; Thu trên người các đối tượng đánh bạc tổng số tiền 17.480.000 đồng, gồm: B 2.710.000 đồng; H 2.880.000 đồng; S 1.580.000 đồng; H 500.000 đồng; T 340.000 đồng; D 5.430.000 đồng; N 720.000 đồng; Th 3.320.000 đồng. Các đối tượng đều khai nhận đã dùng số tiền trên sử dụng vào mục đích đánh bạc. Thu trong người các đối tượng 10 điện thoại di động. Quá trình điều tra xác định 10 chiếc điện thoại di động thu giữ là phương tiện liên lạc cá nhân, không sử dụng vào mục đích đánh bạc, CQĐT Công an huyện đã trả lại cho S, B, T, N, H, D, Th, H.

Tại cơ quan điều tra Vũ Văn P, Đặng Văn B, Đặng Văn H, Vũ Văn S, Nguyễn Thị H, Đỗ Văn T, Trần Văn D, Phạm Văn N và Vũ Văn Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nhận xét trên.

Bản cáo trạng số: 63/CT-VKS-KSDT ngày 28 tháng 11 năm 2018, VKSND huyện Trục Ninh đã truy tố các bị cáo Vũ Văn P, Đặng Văn B, Đặng Văn H, Vũ Văn S, Nguyễn Thị H, Đỗ Văn T, Trần Văn D, Phạm Văn N và Vũ Văn Th về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên toà:

Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nhận xét trên, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện VKSND huyện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản cáo trạng nêu trên, sau khi luận tội đã đề nghị:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt Vũ Văn P từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt Đặng Văn B từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt Đặng Văn H từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt Vũ Văn S từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 13/9/2018).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt Nguyễn Thị H từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 BLHS xử phạt Đỗ Văn T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018 được trừ vào thời gian thi hành án (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 BLHS xử phạt Trần Văn D từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018 được trừ vào thời gian thi hành án (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 BLHS xử phạt Phạm Văn N từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018 được trừ vào thời gian thi hành án (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 BLHS xử phạt Vũ Văn Th từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018 được trừ vào thời gian thi hành án (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ).

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã thu giữ trong quá trình điều tra. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc đã thu giữ trong quá trình điều tra là 18.090.000 đồng đã được nộp vào tài khoản số 3949 ngày 29/10/2018 tại Kho bạc Nhà nước huyện Trục Ninh.

Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT; VKSND huyện Trục Ninh; Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 10/9/2018 bị cáo Vũ Văn P đã có hành vi khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị bài cho các đối tượng Đặng Văn B, Đặng Văn H, Vũ Văn S, Nguyễn Thị H, Đỗ Văn T, Trần Văn D, Phạm Văn N và Vũ Văn Th đánh bạc bằng hình thức đánh liêng ăn tiền tại nhà của P. Đến khoảng 16h10 phút cùng ngày bị Công an huyện Trục Ninh phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 18.090.000 đồng. Hành vi đánh bạc ăn tiền của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS như cáo trạng VKSND huyện Trục Ninh đã truy tố đối với các bị cáo.

[3] Về vị trí vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo Vũ Văn P là người khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị bài và dùng nhà mình để chứa chấp việc đánh bạc giữ vai trò số một, các bị cáo B, H, S, H giữ vai trò thứ hai, các bị cáo còn lại giữ vai trò thứ ba.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

4.1. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4.2. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 (trừ bị cáo P không áp dụng điểm i). Đối với bị cáo Vũ Văn P có hoàn cảnh gia đình khó khăn (Hộ cận nghèo), bị cáo P và bị cáo Vũ Văn S sức khỏe yếu, đang mắc bệnh phải điều trị tại bệnh viện, và các bị cáo Đặng Văn B, Trần Văn D, Vũ Văn Th có bố đẻ là người có công với cách mạng, được tặng thưởng huân, huy chương; Bị cáo D đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, đây là những tình tiết được xem là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo; HĐXX xét thấy các bị cáo Vũ Văn P, Đặng Văn B, Đặng Văn H, Vũ Văn S, Nguyễn Thị H, Đỗ Văn T, Trần Văn D, Phạm Văn N, Vũ Văn Th có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xét thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người lao động, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, thu nhập không ổn định xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[7] Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Cần tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã thu giữ trong quá trình điều tra; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc đã thu giữ trong quá trình điều tra là 18.090.000 đồng.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn P, Đặng Văn B, Đặng Văn H, Vũ Văn S, Nguyễn Thị H, Đỗ Văn T, Trần Văn D, Phạm Văn N, Vũ Văn Th phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS.

- Xử phạt **Vũ Văn P** 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08 - 01 - 2019).

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS (đối với bị cáo Đặng Văn B và Vũ Văn S áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS).

- Xử phạt **Đặng Văn B** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018).

- Xử phạt **Đặng Văn H** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018).

- Xử phạt **Vũ Văn S** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám tháng) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 13/9/2018).

- Xử phạt **Nguyễn Thị H** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018).

Giao bị cáo Vũ Văn P, Đặng Văn B, Đặng Văn H, Vũ Văn S cho chính quyền địa phương xã T, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho chính quyền địa phương xã N, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 BLHS (Đối với bị cáo Vũ Văn Th và Trần Văn D áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS)

- Xử phạt **Đỗ Văn T** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018 (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt **Trần Văn D** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018 (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt **Phạm Văn N** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018 (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt **Vũ Văn Th** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2018 đến ngày 16/9/2018 (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 12 (mười hai ngày) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo **Đỗ Văn T**, **Phạm Văn D**, **Phạm Văn N**, **Vũ Văn Th**.

Giao bị cáo **Đỗ Văn T**, **Trần Văn D**, **Vũ Văn Th** cho chính quyền địa phương xã T, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo **Phạm Văn N** cho chính quyền địa phương xã T, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 14/THA ngày 25-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc đã thu giữ trong quá trình điều tra là 18.090.000 đồng (mười tám triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) đã được nộp vào tài khoản số 3949 ngày 29/10/2018 tại Kho bạc Nhà nước huyện Trục Ninh.

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật TTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Các bị cáo Vũ Văn P, Đặng Văn B, Đặng Văn H, Vũ Văn S, Nguyễn Thị H, Đỗ Văn T, Trần Văn D, Phạm Văn N, Vũ Văn Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, các Bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Công an huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng